

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS 08:2021/PVCFC

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**

Địa chỉ: Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Thành Phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

Điện thoại: 0290 38 19000

Fax: 0290 35 90501

Website: www.pvcfc.com.vn



CÔNG BỐ:

Tên tiêu chuẩn cơ sở **TCCS 08:2021/PVCFC**

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: Kali Cà Mau

Loại phân: Phân Kali clorua

- Đóng bao: 25 kg, 40kg, 50 kg.

Nhãn hiệu:	Thương hiệu:
	

Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau cam kết sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Cà Mau, ngày 08 tháng 12 năm 2021

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Tùng
Nguyễn Thanh Tùng





TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 08:2021/PVCFC

KALI CÀ MAU

Lần soát xét: 02

Cà Mau, ngày 08 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

📍 Lô D, KCN Phường 1, D. Ngô Quyền, P. 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
☎ 0290 381 9000 📠 0290 359 0501 🌐 www.pvcfc.com.vn



Văn bản này được xác thực tại <https://office.pvcfc.com.vn/> với số định danh: 0843/TTr-KTATTT

PHÂN BÓN CÀ MAU



MỤC LỤC

1. Phạm vi áp dụng	3
2. Tài liệu tham khảo	3
3. Yêu cầu kỹ thuật	3
3.1. Yêu cầu về an toàn, sức khỏe và môi trường	3
3.2. Yêu cầu về ngoại quan	3
3.3. Yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng	3
3.4. Công dụng:	3
3.5. Hướng dẫn sử dụng	4
3.6. Bao gói, ghi nhãn	4
3.6.1. Bao gói	4
3.6.2. Ghi nhãn	4
3.7. Vận chuyển	4
3.8. Bảo quản	5
3.9. Ngày sản xuất và hạn sử dụng:	5
3.10. Đơn vị sản xuất:	5
Phụ lục:	1

2298
TY
AN
DAUK
AU
I.CA



LỜI MỞ ĐẦU

TCCS 08:2021/PVCFC được xây dựng trên cơ sở tham khảo “Hướng dẫn chung về thể hiện nội dung và trình bày tiêu chuẩn” của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công Nghệ về việc “Hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn”.

TCCS 08:2021/PVCFC được Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau công bố tại Quyết định số ~~2776~~ /QĐ-PVCFC ngày ~~20~~ tháng ~~12~~ năm 2021.

C.P. * * *



1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm phân bón Kali Cà Mau do Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau nhập khẩu và kinh doanh với thương hiệu Phân bón Cà Mau – “Hạt Ngọc Mùa Vàng”.

2. Tài liệu tham khảo

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính Phủ về nhãn hàng hóa.
- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính Phủ quy định về quản lý phân bón.
- Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 01-189: 2019/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón.
- Quyết định số 2802/QĐ-BVTV-PB ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Cục Bảo vệ Thực vật về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.

3. Yêu cầu kỹ thuật**3.1. Yêu cầu về an toàn, sức khỏe và môi trường**

- Không nguy hại đối với môi trường.
- Không gây nguy hiểm khi hít phải ở điều kiện bình thường, gây kích ứng nhẹ khi tiếp xúc với mắt.
- Để xa tầm tay trẻ em, rửa sạch tay sau khi sử dụng.

3.2. Yêu cầu về ngoại quan

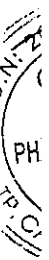
Hình dạng: dạng rắn (hạt/viên).

3.3. Yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức chất lượng	Phương pháp thử
1.	Kali hữu hiệu (K_2O_{hh})	% KL	60	TCVN 8560:2018
2.	Độ ẩm	% KL	1	TCVN 9297:2012

3.4. Công dụng:

- Thích hợp mọi loại đất và mọi loại cây trồng, đặc biệt các loại cây lấy củ, trái, hạt và có thể bón kết hợp với các loại phân bón khác.
- Giảm chiều cao cây, gia tăng số chồi (số bông), giúp cứng cây và hạn chế đổ ngã



trên cây lúa.

- Tăng sinh trưởng, phát triển và hạn chế sâu bệnh.
- Tăng năng suất và tăng lợi nhuận.

3.5. Hướng dẫn sử dụng

Lượng bón và thời kỳ bón:

- Lúa: 30-50 kg/ha/lần (2-3 lần/vụ: 18-22 ngày sau sạ/38-42 ngày sau sạ/trở);
- Ngô: 70-80 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng /40-50 ngày sau khi trồng);
- Mía: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 2-3 tháng sau trồng/ 4-5 tháng sau trồng);
- Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản: 100-300 g/cây/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-400 g/cây/lần (3-4 lần/năm: sau thu hoạch/trước ra hoa/sau đậu trái/trái phát triển);
- Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón thúc 100-150 kg/ha/lần (2-3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng và trái phát triển bón 1-2 lần);
- Rau ăn lá ngắn ngày: 70-120 kg/ha/lần (1 - 2 lần: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng);
- Cà phê, hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản: mùa khô bón 120-170 kg/ha/lần (1-2 lần). Mùa mưa bón 150-180 kg/ha/lần (3-4 lần: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa). Giai đoạn kinh doanh: bón 100-200 g/cây/lần (3-4 lần/năm: mùa khô/đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa);
- Chè: 50-100 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch);
- Cao su (giai đoạn kinh doanh): 70-120 kg/ha/lần (2 lần/năm: đầu mùa mưa/cuối mùa mưa).

3.6. Bao gói, ghi nhãn

3.6.1. Bao gói

- Sản phẩm phân bón Kali Cà Mau được đóng gói bằng 2 lớp bao, lớp bên ngoài bằng vật liệu PP, lớp bên trong bằng vật liệu PE, đảm bảo giúp sản phẩm không bị hút ẩm và không bị rách, vỡ khi vận chuyển;
- Khối lượng tịnh: 25 kg, 40 kg, 50 kg.

3.6.2. Ghi nhãn

- Nhãn được in trên bao bì, màu sắc chi tiết theo Phụ lục đính kèm

3.7. Vận chuyển

- Khi vận chuyển, phương tiện phải đảm bảo sạch sẽ, khô ráo và được che mưa nắng.
- Không sử dụng móc để bốc dỡ sản phẩm.



3.8. Bảo quản

- Bảo quản nơi thông thoáng, khô ráo, được che mưa nắng, không để trực tiếp lên sàn nhà ẩm ướt.

3.9. Ngày sản xuất và hạn sử dụng:

- Hạn sử dụng (HSD): 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất: Xem trên bao bì.

3.10. Đơn vị nhập khẩu:

- Tên tổ chức nhập khẩu: Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.

Địa chỉ: Lô D, Khu CN Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

15/7-2021/01



Phụ lục:
CHI TIẾT THIẾT KẾ BAO BÌ SẢN PHẨM
PHÂN KALI CÀ MAU

*(Đính kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở số TCCS 08:2021/PVCFC
Ban hành theo QĐ số 116/QĐ-PVCFC ngày 20 tháng 1 năm 2021)*

1. Mẫu bao bì sản phẩm



(BỘT TRẮNG)

